

Số: 174/2022/QĐST-HNGĐ

H, ngày 01 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 226/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1986
Nơi ĐKKHTT: thôn Trại Thông, xã B, thị xã Đ, tỉnh Q.
Nơi tạm trú: Tổ 2, khu 1, phường G, thành phố H, tỉnh Q

2. Bị đơn: chị Bùi Thị Q, sinh năm 1991
Nơi ĐKKHTT: thôn Tr, xã B, thị xã Đ, tỉnh Q.
Nơi tạm trú: Tổ 2, khu 1, phường G, thành phố H, tỉnh Q.

Căn cứ vào: Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị Q.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị Q thuận tình ly hôn với nhau.
 - Về con chung: trong quá trình chung sống, anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị Q xác nhận có 02 người con chung là: Phạm Anh T, sinh ngày 13/10/2018 và Phạm Anh K, sinh ngày 01/8/2020. Khi ly hôn anh Đ và chị Q thống nhất

thỏa thuận: Anh Phạm Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Anh T đến khi cháu Tuấn thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Bùi Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Anh K đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc học hành của con chung.

3. Về tài sản chung và khoản nợ chung: anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: nguyên đơn anh Phạm Văn Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000737 ngày 30/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng N. Hoàn trả lại cho anh Phạm Văn Đ số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND TP. H;
- THADS TP. H;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Hùng